

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO SÁNG KIẾN

- Họ và tên người thực hiện: **Lý Ngọc Hiền**
- Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Quang Trung, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Cá nhân hoặc tổ chức thực hiện: Cá nhân.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tên sáng kiến: “Rèn kĩ năng xác định từ loại tiếng Việt cho học sinh”.

2. Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến

Như chúng ta đã biết, bậc Tiểu học là bậc học làm nền tảng cho các bậc học tiếp theo. Mục tiêu của Giáo dục tiểu học là nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản. Người giáo viên tiểu học được coi là người cung cấp kiến thức một cách toàn diện cho học sinh. Mỗi môn học đều góp phần hình thành và phát triển nhân cách của học sinh, cung cấp cho các em những tri thức cần thiết để phục vụ cho cuộc sống, học tập và sinh hoạt sao cho tốt nhất và đạt hiệu quả cao.

Tiếng Việt cùng với thời gian và sự phát triển của xã hội vẫn theo kịp thời đại, vẫn tự biết làm giàu mình bằng những phương cách tạo từ, vay mượn nhưng không đánh mất cái vốn có của mình. Sự giàu và cái đẹp của tiếng Việt có thể nói được nhiều. Là Người Việt, chủ sở hữu tiếng Việt, mỗi chúng ta hãy biết yêu quý, trân trọng, giữ gìn và phát triển thứ của cải vô cùng quý báu này của dân tộc. Ngữ pháp Tiếng Việt rất đa dạng từ cấu trúc ngữ pháp đến các chức năng trong câu. Trong đó, từ là đơn vị cấu tạo nên câu. Các loại từ trong Tiếng Việt đa dạng và có nhiều chức năng khác nhau. Vốn từ tiếng Việt có số lượng lớn và luôn luôn được bổ sung mới. Mỗi từ có nghĩa riêng. Nhưng bên cạnh những nét riêng của từng từ, có thể tìm thấy trong một số lượng nào đó, có những nét nghĩa chung, khái quát. Dựa vào những nét nghĩa khái quát đó, có thể tập hợp các từ thành từng lớp, từng từ loại. Khả năng kết hợp của từ là sự phân bố vị trí của từ trong những hoàn cảnh giống nhau hoặc khác nhau khi chúng kết hợp với nhau. Các từ được phân bố cùng một vị trí (*thay thế nhau*) trong một hoàn cảnh giống nhau có thể tập hợp thành một từ loại. Nếu từ chia theo cấu tạo thì là từ đơn, từ ghép hay từ láy. Nếu từ chia theo từ loại thì là danh từ, động từ, tính từ... Năm được điều này các em hiểu từng nghĩa của từ, phân biệt được từ. Năm học 2019 – 2020 tôi tiếp tục được phân công dạy lớp 5, sau khi nhận lớp một thời gian, tôi nhận thấy việc xác định từ loại của nhiều em còn lúng túng. Tôi liền cho cả lớp bài tập khảo sát về từ loại. Kết quả có

khoảng 50% số học sinh trong lớp xác định chưa đúng. Từ đó, tôi rất băn khoăn, trăn trở làm thế nào để học sinh nắm chắc kiến thức về từ loại và xác định đúng từ loại tiếng Việt trong quá trình học môn Tiếng Việt nên tôi chọn đề tài: ***"Rèn kĩ năng xác định từ loại tiếng Việt cho học sinh"***.

II. NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện sáng kiến

1.1. Thuận lợi:

- Học sinh lớp có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập.
- Đa số học sinh yêu thích học môn Tiếng Việt.
- Giáo viên dạy lớp rất nhiệt tình trong việc rèn các kĩ năng xác định từ loại cho học sinh.
- Phụ huynh phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên dạy môn để hướng dẫn học sinh học tốt các môn.
- Ban Lãnh đạo nhà trường thường xuyên quan tâm động viên giáo viên và học sinh học tập tốt các môn học.
- Cơ sở vật chất nhà trường khang trang, bàn ghế đúng quy định, các lớp đã có ti vi để thực hiện tốt công việc giảng dạy.

1.2. Khó khăn:

- Do các em không phân định đúng ranh giới của từ dẫn đến việc xác định từ loại chưa đúng.
- Nhiều em không nắm được thuật ngữ "từ loại" nên không hiểu đúng yêu cầu của bài tập.
- Khi xác định từ loại học sinh cũng gặp khó khăn trong những trường hợp mà nghĩa của từ hoặc dấu hiệu hình thức không rõ ràng.
- Thời gian luyện tập, số tiết luyện tập về từ loại tiếng Việt cũng chưa được nhiều.

2. Biện pháp thực hiện

Để học sinh nắm vững kĩ năng xác định từ loại, tôi xin đưa ra một số biện pháp như sau:

2.1 Nắm được đặc điểm chung, miêu tả và phân loại từ loại

2.1.1. Danh từ

*** Đặc điểm:**

+ Danh từ là từ loại bao gồm những từ có ý nghĩa khái quát “sự vật”. Đó là những từ chỉ vật thể - người, động vật, thực vật, đồ vật, những hiện tượng tự nhiên, hiện tượng xã hội và những khái niệm trừu tượng...được con người nhận thức và phản ánh các vật thể tồn tại trong hiện thực.

Ví dụ:

- Chỉ người: anh, chị, ông bà, cha, mẹ, thầy cô giáo, học sinh...
- Chỉ vật: nhà, bàn, ghế, cây, quần, áo, cá
- Chỉ hiện tượng tự nhiên và hiện tượng xã hội: gió, bão, chớp, làng, xã, đoàn, đội, công ty, thành phố,...
- Danh từ chỉ khái niệm trừu tượng: chính trị, đường lối, đạo đức, tâm hồn, kinh nghiệm...
- + Muốn biết từ đó có là danh từ không thì cần phải thử xem:
 - Thêm vào trước nó một từ chỉ số lượng (một, hai, vài, những, các, mọi....) xem có được không, nếu được thì đó là một danh từ.

Ví dụ: Mấy học sinh

- Thêm vào sau nó một từ có ý nghĩa chỉ (này, nọ, ấy, kia, đó...) xem có được không nếu được thì đó là một danh từ.

Ví dụ: Học sinh nọ

*** Miêu tả, phân loại:** Danh từ có nhiều loại: phân biệt danh từ chung với danh từ riêng:

- + Danh từ chung: *là tên gọi chung của một loại sự vật.*
VD: Học sinh, công nhân, thành phố...
- + Danh từ riêng: *là tên gọi riêng của một sự vật.*
VD: Võ Thị Sáu, Trường Sơn...
- + Phân biệt danh từ cụ thể với danh từ trừu tượng
 - Danh từ cụ thể: Chỉ những sự vật mà ta có thể nhận ra được bằng giác quan (nhìn, nghe, ngửi, sờ, thấy, đếm được...)
VD: bếp, tủ, chai, ...
 - Danh từ trừu tượng: *chỉ những sự vật mà ta nhận ra được bằng suy nghĩ chứ không phải bằng các giác quan.*
VD: niềm vui, đạo đức, thái độ, sự hi sinh, cuộc đời
- Trong câu, danh từ (đứng một mình hoặc kèm theo các từ phụ thuộc) có thể làm nhiều chức vụ khác nhau: *làm chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ...*

2.1.2. Động từ

*** Đặc điểm:** Động từ là những từ chỉ hoạt động hay trạng thái của người, sự vật (nói chung là những dạng thức vận động, biến chuyển của sự vật về mặt tâm lí hay sinh lí...). VD: đi, chạy, gặt, hỏi, học, suy nghĩ, ăn,...

- Động từ thường có khả năng kết hợp đứng sau các phụ từ. Một số động từ có thể kết hợp với nhóm phụ từ *hãy, đừng, chớ...*; một số động từ kết hợp được với *xong, rồi*, (đứng sau động từ); một số khác lại kết hợp được với *rất, hơi, lắm*,... Do đó có thể thấy ranh giới động từ và tính từ cũng có chỗ không rõ ràng.

- Động từ thường đảm nhiệm chức vụ vị ngữ (trong kết cấu chủ - vị). Đôi khi động từ cũng làm chủ ngữ trong câu.

VD: Ăn là một việc thật cực nhọc.

*** Miêu tả, phân loại:** Có hai loại động từ:

+ **Thứ nhất:** Động từ chỉ trạng thái, hoạt động do người hay sự vật thực hiện, không ảnh hưởng tới người hay sự vật khác gọi là động từ nội động. VD: Em ngủ.

+ **Thứ hai:** Động từ chỉ hoạt động của người hay sự vật thực hiện có ảnh hưởng đến người hay sự vật khác gọi là động từ ngoại động.

VD: Mẹ em đang cắt cỏ.

* Các động từ: có, là, bị, được...

- Động từ "*bị*" và "*được*" chỉ trạng thái tiếp thu.

- Động từ "*có*" chỉ trạng thái tồn tại hoặc sở hữu.

- Động từ "*là*" chỉ được dùng trong câu giới thiệu, nhận xét, đánh giá.

2.1.3. Tính từ

*** Đặc điểm:** Tính từ là từ chỉ tính chất của người, loài vật, đồ vật, cây cối... như: màu sắc, hình thể, khối lượng, kích thước, dung lượng, phẩm chất... Ví dụ:

- Trắng, đen, đỏ, xanh biếc, đỏ thắm (chỉ màu sắc)

- Vuông, tròn, thon (chỉ hình thể)

- To, nhỏ, dài, ngắn...(chỉ kích thước)

- Nặng, nhẹ, nhiều, ít...(chỉ khối lượng, dung lượng)

- Tốt, xấu, thông minh...(chỉ phẩm chất)

+ Khả năng kết hợp của tính từ gần giống động từ. Một số tính từ thường đứng sau hoặc đặt trước từ chỉ mức độ.

+ Tính từ thường đảm nhiệm chức vụ vị ngữ trong câu hoặc làm thành phần phụ trong một cụm từ.

*** Miêu tả, phân loại:**

+ Căn cứ vào ý nghĩa khái quát và cách dùng, tính từ được chia thành hai nhóm:

- Tính từ chỉ tính chất chung, không có mức độ:

Ví dụ: Xanh, đỏ, dài, tốt,...

- Tính từ chỉ tính chất có xác định mức độ hoặc có tác dụng gợi tả hình ảnh, cảm xúc, âm thanh,....

Ví dụ: đen ngòm, đặc xị, xanh biếc, gầy nhom, chi chít...

2.1.4. Đại từ

*** Đặc điểm:** Đại từ là những từ dùng để xưng hô, thay thế và chỉ trỏ. Đại từ không phải là từ loại dùng để biểu thị khái niệm sự vật, hiện tượng hay hành động, trạng thái... mà là từ loại dùng thay thế những từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng, tính chất, hành động đó được nêu trong những từ ngữ đó. Nói tóm lại, đại từ dùng để thay thế cho danh từ, động từ hoặc tính từ trong câu.

Ví dụ: Chuột là con vật có hại nên nó bị tiêu diệt.

*** Miêu tả, phân loại:** Trong giao tiếp người ta có thể dùng đại từ để xưng hô. Đó là đại từ chỉ ngôi. Các đại từ chỉ ngôi thường dùng là :

- Ngôi thứ nhất: Tôi, chúng tôi, tao, chúng tao.
- Ngôi thứ hai: mày, chúng mày, bay, chúng bay.
- Ngôi thứ ba: nó, chúng nó, họ, hắn.

Danh từ chỉ người cũng thường được dùng trong xưng hô như đại từ chỉ ngôi để chỉ quan hệ thứ bậc, tuổi tác, giới tính.

VD: anh, chị, ông, bà, em, thầy cô...

2.1.5. Từ chỉ quan hệ (quan hệ từ, từ nối)

Từ chỉ quan hệ là từ dùng để nối các từ trong câu, các vế câu trong một câu ghép ... Quan hệ từ là phương tiện ngữ pháp rất quan trọng trong số những phương tiện tiêu biểu cho loại hình ngôn ngữ đơn lập.

Ví dụ:

- Nam và Bắc đi học.
- Nam học tốt nên bạn ấy được cô khen.

2.2 Giáo viên giúp học sinh nắm vững các dạng bài tập thường gặp

Để học sinh nắm vững lý thuyết giáo viên cần sử dụng nhiều phương pháp dạy học có hiệu quả. Đặc biệt tiết ôn tập cần lập bảng ôn tập từ loại để học sinh có sự phân biệt rõ các từ loại đã học và tổ chức thực hành các bài tập xác định từ loại thường xuyên sau khi học sinh đó nắm vững lý thuyết. Để học sinh nắm được kiến thức về từ loại, kỹ năng xác định và sử dụng đúng từ loại, tôi đã phân các bài tập theo các dạng như sau:

2.2.1 Dạng thứ nhất: Xác định từ loại (gồm có hai kiểu)

*** Kiểu 1:** Cho sẵn các từ, yêu cầu học sinh xác định từ loại của các từ đó. VD: Xác định từ loại của các từ sau: *niềm vui, vui tươi, vui chơi, tình yêu, yêu thương, đáng yêu.*

Để xác định từ loại của những từ này, tôi hướng dẫn học sinh xét ý nghĩa (chỉ đối tượng, chỉ hành động hay chỉ tính chất) cũng như thử các khả năng kết hợp của chúng. Có thể nói:

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| - <i>những</i> niềm vui | - <i>rất</i> vui tươi |
| - <i>hãy</i> vui chơi | - tình yêu <i>ấy</i> |

- *hãy* yêu thương

- *rất* đáng yêu

DANH TỪ	ĐỘNG TỪ	TÍNH TỪ
Niềm vui	vui chơi	vui tươi
Tình yêu	yêu thương	đáng yêu

*** Kiểu 2:** Xác định từ loại trong đoạn thơ hoặc đoạn văn có sẵn:

VD: Xác định danh từ, động từ, tính từ trong câu thơ sau:

“Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hú chim kêu suốt cả ngày”

Ở bài tập này, học sinh cần phải xác định ranh giới các từ rồi xét ý nghĩa và các khả năng kết hợp của từ rồi xếp các từ vào các cột từ tương ứng dưới đây:

DANH TỪ	ĐỘNG TỪ	TÍNH TỪ
cảnh, rừng, Việt Bắc, vượn, chim, ngày.	hú, kêu	hay

2.2.2 Dạng thứ hai: Phân định ranh giới từ

Để giúp cho học sinh xác định từ loại chính xác và khắc phục việc phân định ranh giới của từ không chính xác, tôi yêu cầu học sinh thực hiện những bài tập mà học sinh hay nhầm.

VD: Tìm tính từ trong khổ thơ sau:

Việt Nam đẹp khắp trăm miền,

Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.

Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây,

Non cao gió dựng, sông đầy nắng chang

Xum xuê xoài biếc, cam vàng

Dừa nghiêng, cau thẳng, hàng hàng nắng soi.

Ở bài tập này học sinh xác định các tính từ: *đẹp, cao, đầy, xum xuê, nghiêng, thẳng* một cách dễ dàng. Khi xét đến: *“trời riêng”, “xoài biếc”, “nắng chang”* các em sẽ lúng túng không biết đây là một từ hay hai từ nên nhiều em xác định từ loại sai. Do đó, tôi phải củng cố và khắc sâu kiến thức qua việc hướng dẫn cho các em hiểu đây là hai từ đơn và các tính từ là *“riêng”, “biếc”, “chang”*.

2.2.3 Dạng thứ ba: Phân biệt nghĩa của từ

Khắc phục khó khăn của học sinh khi xác định từ loại trong những trường hợp mà nghĩa hoặc dấu hiệu từ loại không rõ tôi cho học sinh làm dạng bài tập. VD: Xác định từ loại của các từ trong các thành ngữ sau:

Đi ngược, về xuôi.

Nước chảy, đá mòn.

Các từ loại học sinh xác định nhanh và rõ ràng chính xác là “đi”, “về” động từ, “nước, đá” là danh từ. Nhưng các từ “ngược”, “xuôi”, “mòn” các em lúng túng và hay xếp các từ này vào loại tính từ. Nên trong trường hợp này, tôi luôn phải phân tích ý nghĩa của từ và hướng dẫn học sinh xếp từ “ngược”, “xuôi” là chỉ vùng núi và vùng đồng bằng nên xếp các từ này là danh từ. Còn từ “mòn” là động từ chứ không phải là tính từ.

2.2.4 .Dạng thứ tư: Nắm kĩ về thuật ngữ về từ loại (dựa vào cấu tạo và dựa vào từ loại). Để khắc sâu kiến thức cho học sinh về thuật ngữ “từ loại” tôi cho học sinh làm dạng bài tập từ loại sau. Ví dụ: Cho các từ sau: *núi đồi, rục rờ, chen chúc, vườn, dịu dàng, ngọt, thành phố, ăn, đánh đập*. Hãy xếp những từ trên thành các nhóm theo hai cách:

a) Dựa vào cấu tạo (từ đơn, từ ghép, từ láy).

b) Dựa vào từ loại (danh từ, động từ, tính từ).

Ở bài tập này học sinh phải củng cố về kiến thức thế nào là chia từ theo cấu tạo và thế nào là chia từ theo từ loại. Các em sẽ dễ dàng làm được.

* Nếu xếp theo cấu tạo từ, tôi sẽ hướng dẫn học sinh xếp như sau:

TỪ ĐƠN	TỪ GHÉP	TỪ LÁY
vườn, ăn, ngọt	núi đồi, thành phố, đánh đập	rục rờ, dịu dàng, chen chúc

* Nếu xếp theo từ loại, tôi sẽ hướng dẫn học sinh xếp như sau:

DANH TỪ	ĐỘNG TỪ	TÍNH TỪ
núi đồi, thành phố, vườn	chen chúc, đánh đập, ăn	rục rờ, dịu dàng, ngọt

2.2.5 Dạng thứ năm: Chuyển từ loại theo một kiểu cấu tạo nào đó

Ví dụ 1: Xác định từ loại của các từ sau:

- *vui, buồn, đau khổ, đẹp.*

- *niềm vui, nỗi buồn, cái đẹp, sự đau khổ.*

Ở bài tập này, học sinh phải nắm được các từ “vui, buồn, đau khổ” là các động từ chỉ trạng thái. Còn từ “đẹp” là tính từ. Phải nắm được quy tắc cấu tạo từ: *sự, cuộc, nỗi, niềm, lòng, con* đi kèm với động từ hoặc tính từ thì tạo thành một danh từ mới. Đó là các danh từ trừu tượng “niềm vui”, “nỗi buồn”, “sự đau khổ”, “cái đẹp”.

Ví dụ 2: “Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái ngọt của mật ong già hạn”. Hãy tìm các tính từ có

trong câu văn. Ở bài tập này, tôi hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức về quy tắc cấu tạo từ và ý nghĩa của từ để xác định từ loại và tìm được các tính từ trong bài là: “thơm”, “béo”, “ngọt”, “già”.

Nhờ có sự kết hợp từ : “*cái béo*”, “*mùi thơm*”... là các danh từ.

2.2.6 Dạng thứ sáu: Tùy trong văn cảnh mà từ loại cũng có thể thay đổi.

Ví dụ: Xác định từ loại của từ “*danh dự*” trong câu văn sau:

“Ngay thêm lẫm, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân *danh dự* đứng trang nghiêm”. Ở bài tập này, tôi hướng dẫn cho học sinh dựa vào ý nghĩa của từ trong văn cảnh.

- Từ “*danh dự*” vốn là danh từ.
- Trong câu văn này từ được sử dụng để chỉ đặc điểm nên ta xếp từ “*danh dự*” vào từ loại tính từ.

2.2.7 Dạng thứ bảy: Thay thế danh từ bằng đại từ chỉ ngôi.

Ví dụ: Thay thế danh từ bằng đại từ chỉ ngôi thích hợp để câu văn không bị lặp.

- a) Một con chim đang bay về phương Nam, bỗng *con chim* đổi hướng.
- b) Tám đi qua cầu , *Tám* vô ý đánh rơi chiếc giày xuống nước.

Học sinh phải có nhận xét danh từ được lặp lại. - ở câu a là “con chim”- ở câu b là “Tám”. Việc lặp từ làm cho câu văn ở câu a và câu văn ở câu b không hay, nên tôi gợi ý cho học sinh có thể thay các danh từ bị lặp lại đó bằng các đại từ thích hợp. Từ “*con chim*” có thể thay bằng đại từ “*nó*”. Từ “*Tám*” có thể thay bằng từ “*nàng*”.

2.2.8 Dạng thứ tám: Xác định chức vụ ngữ pháp của một từ loại khi nó đứng ở những vị trí khác nhau. Ví dụ: Xác định từ loại của từ “*thật thà*” và chỉ rõ nó giữ chức vụ ngữ pháp trong câu:

- Chị Lan rất *thật thà*.
- *Thật thà* là phẩm chất đẹp đẽ của chị Lan.

Ở bài tập này, học sinh dựa vào ý nghĩa của từ để xác định “*thật thà*” là tính từ.

- Ở câu thứ nhất từ *thật thà* giữ chức vụ vị ngữ.
- Ở câu thứ hai từ *Thật thà* giữ chức vụ chủ ngữ.

2.2.9 Dạng thứ chín: Vận dụng từ loại để đặt câu. Ví dụ: Đặt một câu có động từ làm vị ngữ và một câu có động từ làm chủ ngữ.

- Ở bài tập này, tôi hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức về từ loại và kiến thức đặt câu và có thể đặt như sau:

- Anh *đi* chơi.

- Ăn là một việc thật cực nhọc.

CN

2.2.10 Dạng thứ mười: Tổ chức các trò chơi để củng cố kiến thức từ loại.

* Trò chơi thứ nhất: “Ai nhanh, ai đúng”.

+ Chuẩn bị:

- Các băng giấy có ghi sẵn từ: *núi đồi, rục rờ, chen chúc, vườn, dịu dàng, ngọt, thành phố, ăn, đánh đập*. Hai băng phụ có kẻ sẵn 3 cột: Danh từ, động từ, tính từ.

DANH TỪ	ĐỘNG TỪ	TÍNH TỪ

+ Cách tiến hành: Chọn hai đội chơi, mỗi đội có 5 em, xếp hai hàng.

Đặt tên cho hai đội. Mỗi em sẽ nhặt một băng giấy và gắn vào cột từ loại. Đội nào nhanh, chính xác sẽ thắng. Các em khác cổ vũ cho hai đội.

* Mục đích của trò chơi: củng cố kiến thức từ loại, tư duy nhanh.

* Trò chơi thứ hai: Điền danh từ, động từ hoặc điền tính từ

VD: “Điền tính từ”

+ Chuẩn bị:

Ghi các tính từ chỉ màu trắng ra các băng giấy: *trắng phau, trắng bệch, trắng xoá, trắng hồng, trắng nõn, trắng bạc*. Viết các câu có chỗ trống trên băng phụ. GV gắn các từ nhưng sai ý nghĩa vào chỗ trống (2 băng gắn các từ khác nhau).

+ Cách tiến hành: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội có 6 em. Mỗi em lên sửa lại một câu. Nếu còn thời gian các em vẫn liên tiếp lên sửa lại cho đến khi hết giờ.

Đáp án: Tuyết rơi *trắng xoá* một màu
Vườn chim chiều xé *trắng phau* cánh cò
Da *trắng bệch*, người ốm o
Bé khoẻ đôi má non tơ *trắng hồng*
Sương len *trắng nõn* như bông
Làn mây *trắng bạc* bồng bềnh trời xanh.

* Mục đích: Luyện cách dùng tính từ chỉ màu trắng với các sắc độ khác nhau có tác dụng gợi tả. Làm giàu vốn từ chỉ màu trắng thường dùng trong các đoạn văn miêu tả.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ TÍNH MỚI, TÍNH HIỆU QUẢ VÀ KHẢ THI, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Tính mới:

Các biện pháp của báo cáo sáng kiến đã thể hiện các tính mới sau:

- Chỉ ra được các đặc điểm về ý nghĩa ngữ pháp và về hoạt động cú pháp của từ dùng để đặt câu. Từ đó giúp học sinh nắm vững ý nghĩa ngữ pháp và hoạt động cú pháp của từ dùng để đặt câu chính xác hơn.
- Phân loại bài tập thành 10 dạng để học sinh thực hành qua đó giúp nắm vững kiến thức về từ loại, rèn kỹ năng xác định và sử dụng đúng từ loại.

2. Tính hiệu quả và khả thi:

Việc vận dụng các biện pháp nêu trên, trong thời gian qua, học sinh lớp tôi xác định từ loại rất tốt, nắm được thuật ngữ "từ loại" nên hiểu đúng yêu cầu của bài tập. Các em xác định từ loại trong những trường hợp mà nghĩa của từ hoặc dấu hiệu hình thức không rõ ràng tiến bộ rất rõ. Học sinh ngày càng yêu thích học môn Tiếng Việt hơn. Tôi tiến hành khảo sát lần 2 kết quả khoảng 90% học sinh lớp tôi xác định đúng từ loại. Nó góp phần vào nâng cao kết quả học tập môn Tiếng Việt của lớp tôi. Điều mà tôi phấn khởi hơn bao giờ hết là chất lượng học tập môn Tiếng Việt của lớp tôi phụ trách đã vượt chỉ tiêu đề ra. Cụ thể kết quả HKI như sau:

Nội dung	Chỉ tiêu	Đạt	Vượt
+ Hoàn thành tốt:	29 em – 69,0%	36 em – 85,7 %	07 em - 16,7 %
+ Hoàn thành:	13 em - 31,0%	06 em – 14,3%	/
+ Chưa hoàn thành:	/	/	/

Điều đặc biệt ở sáng kiến này sẽ hỗ trợ cho các phân môn Chính tả, Tập làm văn, Tập đọc, Kể chuyện thậm chí có thể hỗ trợ vào môn Toán ở lớp. Nên tôi nhận thấy đây là sáng kiến rất khả thi khi áp dụng.

3. Phạm vi áp dụng:

Sáng kiến ***“Rèn kỹ năng xác định từ loại tiếng Việt cho học sinh”*** được thực hiện trong lớp tôi đạt hiệu quả cao và được Ban lãnh đạo trường cho triển khai trong khối Năm và toàn trường. Theo tôi, với sự bổ sung hợp lý sáng kiến này có thể áp dụng trong các trường Tiểu học trong thành phố Cà Mau và toàn tỉnh Cà Mau để góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt.

IV. KẾT LUẬN

1. Kết luận

Để nâng cao chất lượng giảng dạy nội dung về từ loại tiếng Việt, người giáo viên cần phải làm tốt một số vấn đề sau:

- Điều kiện cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm là phải nắm vững nội dung chương trình, mức độ và yêu cầu đối với các đối tượng học sinh. Kiên trì, chịu khó không nản nóng trước sự phát triển chậm chạp của một số học sinh, phải biết ghi nhận từng tiến bộ của các em dù là nhỏ nhất. Còn đối với học sinh có năng khiếu về môn Tiếng Việt thì phát huy tính tích cực, sáng tạo của các em.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: Giáo viên có thể vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học cá nhân,...hay tổ chức trò chơi để kích thích sự hứng thú học tập của học sinh, nhằm đạt kết quả cao trong giờ học mà học sinh không nhàm chán.

- Khảo sát chất lượng học sinh thật chính xác ngay từ đầu năm học để nắm năng lực của từng em trong lớp. Từ đó, xây dựng kế hoạch phụ đạo, bồi dưỡng phù hợp cho học sinh.

Trong quá trình thực hiện sáng kiến chắc hẳn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí lãnh đạo cũng như các đồng nghiệp để sáng kiến của tôi có tính khả thi hơn.

2. Kiến nghị, đề xuất

*** Đối với các cấp lãnh đạo:**

Ban lãnh đạo nhà trường cần mở thêm chuyên đề theo cụm (khối 4 + 5) về các bài dạy có liên quan đến việc xác định từ loại nhiều hơn để giáo viên các khối trao đổi phương pháp giảng dạy nhằm giúp học sinh xác định đúng về từ loại.

*** Đối với giáo viên:**

Giáo viên cần khảo sát học sinh về từ loại ngay từ đầu năm học. Từ đó, nắm được các đối tượng học sinh cần có sự hỗ trợ về xác định từ loại để trong năm học giáo viên tập trung giúp đỡ các em xác định từ loại tốt hơn.

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp

Người báo cáo

.....
.....
.....
.....

Lý Ngọc Hiền